

Số: 03 /2019/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 31 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định thực hiện sửa chữa, cải tạo, bảo trì, nâng cấp,
mở rộng trụ sở, nhà làm việc trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước; Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 684/TTr-STC ngày 25/12/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thực hiện sửa chữa, cải tạo, bảo trì, nâng cấp, mở rộng trụ sở, nhà làm việc trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Báo Quảng Nam (đăng thông tin);
- Đài PT-TH tỉnh (đăng thông tin);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Phòng Kiểm tra văn bản - Sở Tư pháp;
- CPVP và các phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đinh Văn Thu

QUY ĐỊNH

Về việc thực hiện sửa chữa, cải tạo, bảo trì, nâng cấp, mở rộng trụ sở, nhà làm việc trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03 /2019/QĐ-UBND ngày 31 / 01 / 2019
của UBND tỉnh Quảng Nam)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định này quy định về sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng trụ sở, nhà làm việc (sau đây gọi tắt là sửa chữa công trình) trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

b) Quy định này thực hiện đối với nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước, nguồn thu được để lại theo chế độ quy định (kể cả các Quỹ của đơn vị sự nghiệp) dùng để sửa chữa công trình với tổng mức dưới 2 tỷ đồng. Trường hợp công trình có tổng mức từ 2 tỷ đồng trở lên thực hiện bằng vốn đầu tư công.

c) Quy định này không điều chỉnh đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công, xây dựng mới các hạng mục công trình trong các cơ sở đã có.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan nhà nước cấp tỉnh; huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện), xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã);

b) Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; các hội được ngân sách nhà nước cân đối, hỗ trợ kinh phí hoạt động;

c) Các đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến sửa chữa công trình.

Điều 2. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện sửa chữa công trình từ các nguồn kinh phí sau:

1. Nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

2. Nguồn thu được để lại theo chế độ quy định (kể cả các Quỹ của đơn vị sự nghiệp).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Trụ sở, nhà làm việc theo quy định này được hiểu là cơ sở vật chất thuộc quản lý của các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm: nhà và vật kiến trúc trên đất trong khuôn viên đất được cấp có thẩm quyền giao quản lý sử dụng.

2. Cơ quan quản lý xây dựng theo quy định này được hiểu là Sở Xây dựng (đối với công trình sửa chữa thuộc cấp tỉnh quản lý), là Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị (đối với công trình sửa chữa thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý).

3. Cơ quan quản lý tài chính theo quy định này được hiểu là Sở Tài chính (đối với công trình sửa chữa thuộc cấp tỉnh quản lý), là Phòng Tài chính – Kế hoạch (đối với công trình sửa chữa thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý).

4. Chủ đầu tư là chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình hoặc đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng kinh phí để thực hiện sửa chữa công trình. Đối với dự án sử dụng kinh phí ngân sách của cấp xã, chủ đầu tư là Ủy ban nhân dân cấp xã.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Trình tự thực hiện sửa chữa công trình

Chủ đầu tư thực hiện sửa chữa công trình theo trình tự như sau:

1. Đối với công trình có chi phí thực hiện dưới 20 triệu đồng:

a) Tổ chức lập dự toán công trình sửa chữa, đồng thời thuyết minh chi tiết về tên bộ phận công trình sửa chữa; mục tiêu, sự cần thiết thực hiện sửa chữa; khối lượng công việc; dự kiến thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc.

b) Thực hiện sửa chữa công trình từ nguồn kinh phí hoạt động của đơn vị và tổ chức nghiệm thu, thanh, quyết toán theo thực tế công việc.

c) Quyết toán nguồn kinh phí theo quy định tại khoản 1, Điều 12 Quy định này.

2. Đối với công trình có chi phí thực hiện từ 20 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng.

a) Chủ đầu tư nêu mục tiêu, sự cần thiết sửa chữa báo cáo với cơ quan chủ quản (đơn vị dự toán cấp 1, nếu có) để khảo sát hiện trạng, thống nhất nội dung công việc sửa chữa công trình.

b) Chủ đầu tư tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt hoặc trình thẩm định, phê duyệt hồ sơ dự toán, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công – dự toán (thiết kế - dự toán) theo quy định tại khoản 1, Điều 6 Quy định này.

c) Lập dự toán, phân bổ dự toán kinh phí theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

d) Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

đ) Tổ chức lựa chọn nhà thầu để thực hiện sửa chữa công trình.

e) Tổ chức thực hiện sửa chữa công trình và quản lý chất lượng công trình theo quy định về xây dựng. Tổ chức nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, quyết toán, bảo hành công trình.

g) Quyết toán nguồn kinh phí theo quy định tại khoản 1, Điều 12 Quy định này.

3. Đối với công trình có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng:

a) Chủ đầu tư nêu mục tiêu, sự cần thiết và dự kiến kinh phí sửa chữa công trình cơ quan chủ quản để tổng hợp trình (đơn vị dự toán cấp 1, nếu có) cơ quan tài chính, cấp có thẩm quyền (UBND tỉnh đối với trụ sở, nhà làm việc thuộc tỉnh quản lý và UBND cấp huyện đối với trụ sở, nhà làm việc thuộc cấp huyện và cấp xã quản lý) về chủ trương sửa chữa công trình. Cơ quan tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan xây dựng, cơ quan kế hoạch khảo sát hiện trạng, thống nhất công việc sửa chữa công trình và căn cứ vào nguồn kinh phí thực hiện sửa chữa theo Điều 2 Quy định này để tham mưu trình cấp có thẩm quyền đồng ý chủ trương thực hiện sửa chữa công trình.

b) Tổ chức quản lý dự án đối với công trình sửa chữa theo Điều 5 Quy định này.

c) Tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật theo quy định tại khoản 2, Điều 6 Quy định này.

d) Lập dự toán, phân bổ dự toán kinh phí theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

đ) Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

e) Tổ chức lựa chọn nhà thầu để thực hiện sửa chữa công trình.

g) Tổ chức thực hiện sửa chữa công trình và quản lý chất lượng công trình theo quy định về xây dựng. Tổ chức nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng; quyết toán công trình; bảo hành công trình.

h) Lập báo cáo quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành và quyết toán nguồn kinh phí theo quy định tại Điều 12 Quy định này.

Điều 5. Thực hiện quản lý dự án đối với sửa chữa công trình

Chủ đầu tư nêu đủ điều kiện, năng lực theo quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng thì sử dụng tư cách pháp nhân của mình và bộ máy chuyên môn

trực thuộc để trực tiếp quản lý dự án công trình sửa chữa; trường hợp không đủ điều kiện thực hiện, chủ đầu tư được thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng hoặc ký hợp đồng ủy thác quản lý dự án với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh hoặc Ban quản lý khu vực nơi công trình thực hiện sửa chữa (Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng do cấp huyện thành lập) để quản lý dự án.

Điều 6. Lập, thẩm tra, thẩm định và phê duyệt dự toán, thiết kế dự toán, báo cáo kinh tế kỹ thuật

1. Đối với công trình có chi phí thực hiện từ 20 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng:

a) Trường hợp bảo trì công trình (việc sửa chữa công trình nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình):

Chủ đầu tư tự lập dự toán hoặc thuê đơn vị tư vấn có năng lực lập dự toán hoặc thiết kế bản vẽ thi công - dự toán, tổ chức thẩm định và phê duyệt dự toán (hoặc thiết kế bản vẽ thi công - dự toán). Trường hợp đơn vị không đủ năng lực thẩm định thì có thể thuê đơn vị tư vấn có chức năng thẩm tra dự toán, thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công – dự toán trước khi phê duyệt.

Đối với việc sửa chữa, bảo trì công trình có ảnh hưởng đến kết cấu công trình thì chủ đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ thiết kế đến cơ quan quản lý về xây dựng có ý kiến góp ý trước khi phê duyệt.

Chủ đầu tư không được chia nhỏ công việc sửa chữa, bảo trì dưới 500 triệu đồng để thực hiện phê duyệt dự toán, thiết kế - dự toán.

b) Trường hợp cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình:

Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn có năng lực để thiết kế bản vẽ thi công - dự toán. Đối với công trình thuộc cấp tỉnh quản lý, chủ đầu tư gửi hồ sơ đến Sở Xây dựng thẩm định và phê duyệt thiết kế - dự toán (UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Xây dựng phê duyệt thiết kế - dự toán đối với công trình này). Trường hợp công trình do cấp huyện quản lý, chủ đầu tư gửi hồ sơ đến Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị (đối với thành phố) để thẩm định thiết kế - dự toán trình UBND cấp huyện phê duyệt.

Trong quyết định phê duyệt thiết kế - dự toán của Sở Xây dựng, của UBND cấp huyện yêu cầu công trình phải tổ chức công tác kiểm tra nghiệm thu trước khi đưa công trình vào sử dụng để chủ đầu tư căn cứ thực hiện.

2. Đối với công trình có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng:

Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn có năng lực lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt. Về cơ quan thực hiện thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật, cụ thể như sau:

a) Đối với công trình thuộc cấp tỉnh quản lý do Sở Xây dựng thẩm định thiết kế - dự toán, sau đó chủ đầu tư gửi hồ sơ đến Sở Kế hoạch – Đầu tư để thẩm định nội dung khác và thực hiện phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật theo ủy quyền (*Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định về phân cấp, ủy quyền phê duyệt thiết kế, dự toán công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam*).

b) Đối với công trình cấp huyện quản lý do Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị (đối với thành phố) thẩm định thiết kế - dự toán, sau đó chủ đầu tư gửi hồ sơ đến Phòng Tài chính - Kế hoạch để thẩm định nội dung khác và trình UBND cấp huyện phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật.

Trong kết quả thẩm định thiết kế - dự toán, cơ quan quản lý xây dựng phải nêu rõ công trình có tổ chức hay không tổ chức công tác kiểm tra nghiệm thu trước khi đưa công trình vào sử dụng để chủ đầu tư căn cứ thực hiện.

Điều 7. Lập dự toán, phân bổ dự toán kinh phí

Hàng năm vào thời điểm lập dự toán ngân sách năm sau, cơ quan, đơn vị căn cứ quyết định phê duyệt dự toán, thiết kế - dự toán, Báo cáo kinh tế kỹ thuật (tùy từng trường hợp cụ thể) lập dự toán kinh phí thực hiện sửa chữa công trình tổng hợp chung vào dự toán của cơ quan, đơn vị mình; gửi cơ quan chủ quản (đơn vị dự toán cấp I) kèm theo các hồ sơ tài liệu về lập và phân bổ dự toán như quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư 92/2017/TT-BTC, để xem xét, tổng hợp chung vào dự toán của đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp để trình cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ kinh phí.

Trong năm, cơ quan, đơn vị phát sinh nhu cầu sửa chữa công trình thì thực hiện theo như quy định tại điểm a, b, khoản 2 Điều 4 (trường hợp công trình có chi phí thực hiện từ 20 triệu đồng đến 500 triệu đồng); điểm a, b, c khoản 3 Điều 4 (trường hợp công trình có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng đến 2 tỷ đồng). Sau đó lập Tờ trình kèm theo quyết định phê duyệt dự toán, thiết kế - dự toán, báo cáo kinh tế kỹ thuật (tùy từng trường hợp cụ thể) và các hồ sơ tài liệu về lập và phân bổ dự toán như quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư 92/2017/TT-BTC, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để trình cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ kinh phí.

Trường hợp trong năm đơn vị tự sắp xếp trong phạm vi dự toán được giao có phát sinh nhu cầu sửa chữa công trình, thì đơn vị thực hiện sửa chữa công trình phải đảm bảo hồ sơ tài liệu về lập và phân bổ dự toán như quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư 92/2017/TT-BTC.

Điều 8. Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Việc lập, trình, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của

Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trong đó, cơ quan, đơn vị thực hiện lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cụ thể như sau:

1. Đối với sửa chữa công trình có chi phí thực hiện từ 20 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng: Chủ đầu tư tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu để thực hiện.

2. Đối với sửa chữa công trình có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng: Chủ đầu tư lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình Sở Kế hoạch – Đầu tư thẩm định và thực hiện phê duyệt (theo ủy quyền) kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với trụ sở, nhà làm việc thuộc tỉnh quản lý; trình Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định và UBND cấp huyện phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với trụ sở, nhà làm việc thuộc cấp huyện và cấp xã quản lý.

Điều 9. Các hình thức lựa chọn nhà thầu

1. Các hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, chỉ định thầu.

2. Điều kiện đủ để áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu chỉ định thầu:

a) Đối với công trình có chi phí thực hiện từ 20 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng: Chỉ thực hiện chỉ định thầu cho gói thầu có giá trị không quá 100 triệu đồng.

b) Đối với công trình có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng đến dưới 2 tỷ đồng: Chỉ thực hiện chỉ định thầu cho gói thầu có giá trị không quá 500 triệu đồng đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn; không quá 01 tỷ đồng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp.

3. Điều kiện đủ để áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu chào hàng cạnh tranh rút gọn: Chỉ thực hiện đối với gói thầu có giá trị không quá 200 triệu đồng.

4. Đối với các gói thầu đủ điều kiện để áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu không phải đấu thầu; nếu cơ quan, đơn vị thấy cần thiết phải tổ chức đấu thầu để bảo đảm mục tiêu quản lý và sử dụng có hiệu quả ngân sách nhà nước thì tổ chức thực hiện đấu thầu rộng rãi theo quy định và báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu về cơ quan kế hoạch, cơ quan tài chính để theo dõi, tổng hợp.

5. Căn cứ vào giá gói thầu, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu để tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

Điều 10. Quy trình thực hiện lựa chọn nhà thầu

Chủ đầu tư thực hiện các bước và thủ tục hồ sơ lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ. Đồng thời, lưu ý việc đăng tải kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong vòng 7 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản phê duyệt kế

hoạch lựa chọn nhà thầu được ban hành; đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu (KQLCNT) trong vòng 7 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản phê duyệt KQLCNT được ban hành.

Điều 11. Tạm ứng, thanh toán kinh phí

Tạm ứng, thanh toán kinh phí sửa chữa công trình thực hiện theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước *hoặc văn bản thay thế sửa đổi, bổ sung (nếu có)*.

Chủ đầu tư không phải mở mã số dự án để thực hiện tạm ứng, thanh toán kinh phí sửa chữa công trình tại quy định này.

Điều 12. Quyết toán kinh phí

1. Các công trình có mức vốn dưới 500 triệu đồng: Các cơ quan, đơn vị tổng hợp chung trong báo cáo quyết toán hàng năm theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính Quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm.

2. Các công trình có mức vốn từ 500 triệu đồng trở lên: Ngoài việc lập quyết toán hàng năm theo quy định như khoản 1 Điều này, chủ đầu tư chịu trách nhiệm lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và các hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước, Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước gửi cơ quan Tài chính thẩm tra, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành *(đối với công trình thuộc tỉnh quản lý chủ đầu tư gửi hồ sơ đến Sở Tài chính để thẩm tra, phê duyệt; đối với công trình thuộc cấp huyện quản lý gửi hồ sơ đến Phòng Tài chính – Kế hoạch để thẩm tra trình UBND cấp huyện phê duyệt)*.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, các cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Riêng đối với công trình sửa chữa đã được phân bổ dự toán kinh phí trong dự toán ngân sách năm 2019, các cơ quan, đơn vị không phải xin chủ trương sửa chữa của cấp có thẩm quyền, các bước còn lại thực hiện theo quy định này.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ quy định này và điều kiện thực tế của địa phương để phân cấp, giao các đơn vị thực hiện quản lý và sửa chữa công trình cho phù hợp.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

4. Trường hợp có phát sinh vướng mắc, các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện báo cáo bằng văn bản cho Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu trình UBND tỉnh điều chỉnh theo thẩm quyền./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đinh Văn Thu